TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/DS-ST
Ngày 27/7/2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Thành Triều.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Châu Văn Nằm;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Trần Thị Bạch Phiến - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình*: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án; Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 305/2016/TLST- DS ngày 08 tháng 11 năm 2016; và Thông báo thụ lý bổ sung vụ án dân sự số: 305A/2017/TLST- DS ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2017/QĐHPT-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1968; Địa chỉ: khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1980; Địa chỉ: khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp *(Anh Đ vắng mặt).*

NHẬN THẤY:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp - hoà giải và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và chị T là chỗ quen biết, nên vào năm 2008 chị T có nhờ bà vay tài sản dùm để làm vốn mua xe tải chạy thuê mướn, do đó bà đã đứng ra vay dùm cho chị T số tài sản như sau:

- Ngày 14/01/2008 vay của bà H (xã Bình Thành) 18 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) với lãi suất 50.000đ/1 chỉ/tháng để giao cho Đỗ Thị T; chị T đã nộp lãi từ tháng 02/2008 đến tháng 11/2008 (nộp 10 tháng lãi).

- Tiếp theo, đến tháng 12/2008 chị T nhờ vay 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để đóng tiền học phí cho con chị, và vay thêm 02 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) để mua dầu chạy xe tải. Vì vậy vào ngày 15/12/2008 bà vay 2.000.000đ của chị S (ở gần nhà) với lãi suất 50.000đ/tháng, và vay của bà H thêm 02 chỉ vàng 24kra cũng với mức lãi suất như trên; sau khi vay được tài sản qua ngày 16/12/2008 bà giao cho chị T nhận 2.000.000đ và 02 chỉ vàng 24kra. Đối với phần tiền và vàng vay lần này, thì chị T nộp lãi từ tháng 01/2009 đến tháng 03/2009 (nộp 03 tháng) thì chị T không nộp lãi và ngưng nộp từ đó trở về sau.

Việc chị T vay số tài sản trên được viết chung một "Biên nhận ngày 14/01/2008" và chị T có ký nhận ở cột người viết; còn lại toàn bộ chữ viết trên biên nhận là do bà viết. Hiện nay số vàng vay của bà H và số tiền vay của chị S và khoản tiền lãi trong thời gian chị T không nộp bà đã đứng ra trả xong cho các chủ nợ không còn liên quan gì đến chị T, nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết phần tiền lãi do bà nộp thời gian qua đối với chị T.

Hiện nay bà yêu cầu chị T, anh Đ liên đới trả cho bà số tài sản vay còn thiếu gốc là: 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bà không có yêu cầu tính lãi số tài sản này trong thời gian qua.

Đối với số tiền 16.000.000đ do chị T, anh Đ giao trả, bà thừa nhận có nhận số tiền này và đã ký nhận vào giấy kê "Trả tiền thiếm mười ngày 19/9/2016" giao cho chị T lưu giữ. Nhưng số tiền này là do chị T, anh Đ gửi nộp lãi, chớ không phải tiền trả phần nợ gốc; do đó, bà không thống nhất hoàn trả lại số tiền này cho chị T.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp - hoà giải và tại phiên toà hôm nay bị đơn chị Đổ Thị T trình bày: Chị và bà Đ là chỗ quen biết, vào ngày 14/01/2008 chị có vay của bà Đ 18 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi), đến ngày 16/12/2008 vay thêm 02 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) và 2.000.000đ; tổng cộng là 20 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) và 2.000.000đ. Theo thỏa thuận vàng lãi suất 20.000đ/chỉ/tháng, phần tiền gốc 2.000.000đ thì mỗi tháng 50.000đ tiền lãi; quá trình vay chị đã nộp lãi đầy đủ cho bà Đ theo thỏa thuận, nhưng việc giao trả tiền lãi hai bên không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến.

Đến tháng 5/2009 bà Đ thỏa thuận qui đổi vàng thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm ở địa phương là 2.000.000đ/chỉ x 20 chỉ = 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Khi thỏa thuận qui đổi vàng thành tiền phía bà Đ có yêu cầu chị viết

"Biên nhận tiền" và ký nhận giao bà Đ lưu giữ, địa điểm viết biên nhận tại nhà bà Đ, hiện nay biên nhận này do bà Đ lưu giữ chị không có lưu giữ. Trong thời gian qui đổi vàng thành tiền thì chị vẫn đóng lãi cho bà Đ theo mức lãi suất vàng 20.000đ/chỉ/tháng x 20chỉ = 400.000đ/tháng.

Đến khoảng tháng 8/2009 chị không có khả năng đóng lãi, nên chị đi thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân và không đóng lãi cho bà Đ nữa. Nhưng khoảng một năm sau, chị có gửi 8.000.000đ (Tám triệu đồng) về cho em ruột là Đỗ Phước C mang lên nhà bà Đ giao trả tiền gốc (Việc giao trả này không có làm biên nhận). Đến ngày 18/10/2015 chị về quê, bà Đ thưa chị đến Công an thị trấn Thanh Bình giải quyết và chị có ký "Tờ cam kết" nội dung năm 2015 – 2016 trả cho bà Đ 16.000.000đ, phần còn lại thì xin bà Đ cho trả dần nhiều lần vì đang khó khăn. Tính từ ngày 28/7/2016 đến ngày 19/9/2016 chị trả cho bà Đ 06 lần tiền, tổng cộng 16.000.000đ và bà Đ có ký nhận vào giấy kê "Trả tiền thiếm mười ngày 19/9/2016".

Do đó, 8.000.000đ + 16.000.000đ = 24.000.000đ khấu trừ vào phần nợ gốc 40.000.000đ *(20 chỉ vàng qui đổi thành tiền)* thì hiện nay còn thiếu bà Đ là 16.000.000đ + 2.000.000đ *(Tiền vay)*; tổng cộng thiếu bà Đ 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), nên chị thống nhất trả cho bà Đ số tiền 18.000.000đ; nếu bà Đ không thống nhất thì chị yêu cầu bà Đ trả lại số tiền 16.000.000đ đã nhận, chị không có yêu cầu tính lãi số tiền 16.000.000đ trong thời gian qua.

- Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa; nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2017 anh trình bày: Việc vay tài sản giữa vợ anh là Đỗ Thị T với bà Nguyễn Thị Đ thì anh không biết, đến khi sự việc đỗ bể thì anh mới hay biết. Hiện nay anh thống nhất liên đới với chị T trả cho bà Đ số tiền còn thiếu 18.000.000đ theo ý kiến của chị T.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung tranh chấp giữa bà Đ, chị T và anh Đ làm phát sinh tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản "* được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh Đ vẫn cố

tình vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các đương sự, lời khai của người làm chứng và tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở xác định:

Việc chị T vay tài sản của bà Đ vào ngày 14/01/2008 và ngày 16/12/2008 là hoàn toàn có thật; việc cho vay tài sản giữa hai bên có làm biên nhận làm bằng; tài sản vay gồm có 20 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) và 2.000.000đ là phù hợp với Biên nhận do chị Đỗ Thị T ký ngày 14/01/2008 mà bà Đ đã giao nộp cho Tòa án.

Xét lời khai nại của chị T cho rằng bà Đ đã thỏa thuận qui đổi từ 20 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) thành tiền là 40.000.000đ là không có cơ sở. Bởi việc qui đổi này không được bà Đ thừa nhận, và hai bên cũng không có làm giấy tờ; đồng thời, Biên nhận vay tài sản ngày 14/01/2008 do chị T ký tên bà Đ đã giao nộp cho Tòa án, chị T đã được tiếp cận và thừa nhận là do chị ký nhận. Tại phiên tòa hôm nay, chị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc qui đổi từ vàng thành tiền; nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai nại này của chị T là có căn cứ. Do đó, buộc chị T và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ số tài sản đã vay còn thiếu gồm: 20 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) và khoản tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Xét yêu cầu phản tố của chị T, yêu cầu bà Đ trả lại khoảng tiền đã nhận 16.000.000đ theo giấy kê "Trả tiền thiếm mười ngày 19/9/2016" do bà Đ đã ký nhận là có cơ sở chấp nhận và phù hợp theo quy định pháp luật.

Xét việc bà Đ cho rằng số tiền 16.000.000đ đã nhận theo giấy kê "Trả tiền thiếm mười ngày 19/9/2016" là do chị T, anh Đ gửi đóng lãi của phần lãi suất vàng đã vay là không có cơ sở chấp nhận. Bởi theo quy định đối tượng vay là vàng, thì hiện nay chưa có qui định áp dụng lãi suất vàng; vì vậy, không có căn cứ tính lãi đối với lãi suất vàng, theo yêu cầu trên của bà Đ là phù hợp theo quy định.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ buộc chị T, anh Đ liên đới trả cho bà Đ 20 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) còn thiếu. Đồng thời, chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Đỗ Thị T buộc bà Nguyễn Thị Đ trả lại cho chị Tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) đã nhận, là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, phát biểu việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ buộc chị T và anh Đ liên đới trả cho bà Đ 20 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) và 2.000.000đ còn thiếu. Đồng thời, chấp nhận

yêu cầu phản tố của chị T; buộc bà Đ trả lại cho chị T 16.000.000đ, là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà Đ, chị T, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 và Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2, 5, 6 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với chị Đổ Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

Buộc chị Đổ Thị T và anh Nguyễn Văn Đ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ 20 chỉ vàng 24kra (9,8 tuổi) và 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị T và anh Đ chưa thi hành xong số vàng trên; thì hàng tháng phải chịu lãi vàng của số vàng còn phải thi hành theo mức lãi suất bình quân của ít nhất là ba tổ chức tín dụng tại địa phương tỉnh Đồng Tháp quy định vào từng thời điểm thi hành án; và chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành xong, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào từng thời điểm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Đổ Thị T đối với bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả lại cho chị Đổ Thị T 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Đ chưa thi hành xong số tiền trên; thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào từng thời điểm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đ chịu 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 1.800.000đ theo biên lai thu số 07344 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình; bà Đ được nhận lại 1.000.000đ tiền nộp tạm ứng án phí còn thừa tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

- Chị T và anh Đ liên đới chịu 3.440.000đ (Ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 400.000đ theo biên lai thu số 07735 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình; chị T và anh Đ còn phải nộp thêm 3.040.000đ (Ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao (bản án) hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thành Triều